ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TAM HỢP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 41 /QĐ-UBND	*Tam Hợp, ngày 09 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công khai danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Tam Hợp

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TAM HỢP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ theo Quyết số 1991/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An;

Căn cứ theo Quyết số 1992/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp thuộc pham vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục; thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục; thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hoá – Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền của UBND xã được giải quyết tại Trung tâm hành chính công xã Tam Hợp *(có danh mục kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội; Trung tâm phục vụ hành chính công và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXH.

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ TAM HỢP T.NGHỆ AN

Nguyễn Duy Hưng

DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ

(Tính đến ngày 03/07/2025)

STT	MÃ THỦ TỤC	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	TRA CỨU	GHI CHÚ
1	1.012974.000.00.00.H41	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)		
2	1.012973.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)		
3	1.012971.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)		
4	1.012975.000.00.00.H41	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)		
5	1.012972.000.00.00.H41	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)		
6	3.000309.000.00.00.H41	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác (GD&ĐT)		

9	1.012961.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)		
10	1.012962.000.00.00.H41	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)		
11	1.006445.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)		
12	1.006444.000.00.00.H41	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)		
13	1.006390.000.00.00.H41	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non (GD&ĐT)		
14	2.001960.000.00.00.H41	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (GD&ĐT)		
15	2.002284.000.00.00.H41	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (GD&ĐT)		
16	1.012970.000.00.00.H41	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên (GD&ĐT)		Có 4 thủ tục giống nhau

17	1.012969.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (GD&ĐT)		
18	3.000307.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (GD&ĐT)		
19	3.000308.000.00.00.H41	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên (GD&ĐT)		
20	1.012963.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)		
21	1.001639.000.00.00.H41	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)		
22	1.004563.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)		
23	1.004552.000.00.00.H41	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)		
24	1.005099.000.00.00.H41	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)		

25	2.001842.000.00.00.H41	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học (GD&ĐT)		
26	1.012966.000.00.00.H41	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		
27	1.012965.000.00.00.H41	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		
28	1.012968.000.00.00.H41	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		
29	1.012967.000.00.00.H41	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		
30	1.012964.000.00.00.H41	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		
31	2.002483.000.00.00.H41	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		Có 2 thủ tục giống nhau
32	2.002482.000.00.00.H41	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		Có 2 thủ tục giống nhau

33	2.002481.000.00.00.H41	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		Có 2 thủ tục giống nhau
34	3.000182.000.00.00.H41	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		Có 2 thủ tục giống nhau
35	1.005108.000.00.00.H41	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		
36	2.001904.000.00.00.H41	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (GD&ĐT)		
37	2.002770.H41	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
38	2.002771.H41	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
39	1.002407.000.00.00.H41	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		

40	1.008950.000.00.00.H41	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
41	1.005143.000.00.00.H41	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
42	1.008951.000.00.00.H41	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
43	1.000691.000.00.00.H41	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
44	1.000280.000.00.00.H41	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
45	1.000288.000.00.00.H41	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		

46	1.001714.000.00.00.H41	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
47	1.001622.000.00.00.H41	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
48	1.008725.000.00.00.H41	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
49	1.008724.000.00.00.H41	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		
50	1.005144.000.00.00.H41	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (GD&ĐT)		Có 2 thủ tục giống nhau
51	1.003702.000.00.00.H41	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc		

			dân (GD&ĐT)		
52	1.000713.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (GD&ĐT)		
53	1.000711.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (GD&ĐT)		
54	1.000715.000.00.00.H41	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (GD&ĐT)		
55	1.005090.000.00.00.H41	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh (GD&ĐT)		
56	3.000468.H41	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (GD&ĐT)		
57	3.000467.H41	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (GD&ĐT)		